

Bản án số: 850/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/10/2020

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tuấn

2. Bà Phùng Khánh Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 21 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 404/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Hải Y, sinh năm 1976. Địa chỉ: đường N, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1974. Hộ khẩu thường trú: đường C, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: đường G, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Y và ông L có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Hải Y trình bày: Bà và ông Nguyễn Hồng L tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01/02 ngày 14/11/2002, bản chính giấy đăng ký kết hôn bị mất.

Sau khi kết hôn cả hai về chung sống nhà gia đình chồng ở địa chỉ: đường C, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2007 chuyển về sinh sống tại đường G, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai không tìm được tiếng nói chung, khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm về lối sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải nên bà xin ly hôn với ông L để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà Y khai có 02 con chung là Nguyễn Lam N, sinh ngày 21/8/2003 và Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 15/10/2006. Ly hôn, bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và ông L cấp dưỡng nuôi 02 con 20.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà Y khai giữa bà và ông L không có tài sản chung. Bà xác định căn nhà tại đường C, Phường B, quận T là tài sản riêng có trước thời kỳ hôn nhân của ông L, bà không có tranh chấp. Còn căn nhà đường G, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tuy hình thành trong thời kỳ hôn nhân nhưng là tài sản riêng của bà do anh chị của bà tặng cho riêng, không phải là tài sản chung, nhà không có sửa chữa cũng như ông L không có công sức đóng góp gì trong căn nhà này. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Y khai không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng L trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà Y về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2017 có phát sinh mâu thuẫn do căn nhà ông mua trước khi kết hôn còn nợ tiền, khó khăn về tài chính dẫn đến vợ chồng hay tranh cãi, bất đồng nên khoảng 02 năm nay vợ chồng sống ly thân. Hiện nay kinh tế gia đình đã ổn định, ông còn yêu thương vợ con, mong muốn gia đình sum họp nên không đồng ý ly hôn với bà Y.

Về con chung: Ông và bà Y có 02 con chung là Nguyễn Lam N, sinh ngày 21/8/2003 và Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 15/10/2006. Từ khi vợ chồng ly thân, bà Y dẫn theo hai con đi, hai con học hành sa sút nên ông muốn bà Y đoàn tụ cùng chăm sóc, nuôi dạy hai con. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y thì ông yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 15/10/2006; giao con chung Nguyễn Lam N, sinh ngày 21/8/2003 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng; không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Căn nhà tại đường C, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông hình thành trước thời kỳ hôn nhân. Quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung là căn nhà tại đường G, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tuy đứng tên cá nhân bà Y nhưng thực tế tiền mua nhà là tiền chung, có đóng góp công sức của ông. Ông xác định tài sản chung sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L khai không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Y và ông L vẫn không thống nhất ý kiến.

Tại phiên tòa:

Bà Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với ông Nguyễn Hồng L; Về con chung: bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Lam N, sinh ngày 21/8/2003 và Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 15/10/2006, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung bà xác định lại là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng L không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, mong muốn gia đình đoàn tụ chăm lo cho các con; Trường hợp Tòa án cho ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 15/10/2006; giao con chung Nguyễn Lam N, sinh ngày 21/8/2003 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng; không ai cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thực hiện tổng đạt các quyết định cho các bên đương sự đầy đủ. Thẩm phán thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông L là hợp pháp, xét mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y.

Về con chung: có hai con chung, cả hai thỏa thuận giao con chung Nguyễn Lam N, sinh ngày 21/8/2003 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng nên ghi nhận. Bà Y và ông L còn tranh chấp về việc cả hai đều yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 15/10/2006. Nhận thấy trẻ Minh A ở với bà Y từ nhỏ, là trẻ gái đang ở tuổi trưởng thành cần có sự quan tâm của người mẹ về tâm sinh lý. Do đó đề nghị giao bà Y nuôi con chung Minh A, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông L do bà Y không có yêu cầu.

Về tài sản chung : tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc Hải Y có đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông Nguyễn Hồng L, địa chỉ cư trú: đường G, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91, quyền số 01/02 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/11/2002 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc Hải Y và ông Nguyễn Hồng L là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Hải Y:

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn:

Bà Y và ông L kết hôn hợp pháp, theo bà Y quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 do tính tình không hợp nhau, tình trạng mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không có tiếng nói chung. Phía ông L không đồng ý ly hôn với bà Y vì còn thương yêu vợ, không muốn gia đình tan vỡ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con cái, ông L trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, bà Y đi du lịch và bỏ nhà đi, vợ chồng không sống chung hơn 02 năm nay. Sau thời gian Tòa án hòa giải, bà Y kiên quyết ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, thời gian ly thân đã hơn 02 năm, bà không còn tình cảm với ông L. Ông L trình bày rất muốn vợ chồng ngồi lại nói chuyện, hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng bà Y không cho ông cơ hội, không muốn nói chuyện với ông, do đó vợ chồng không có biện pháp hòa giải, nếu bà Y giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông sẽ đến nơi làm việc của bà Y làm rõ lý do thật sự bà Y xin ly hôn.

Nhận thấy: Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa 15 ngày để vợ chồng tự hòa giải với nhau nhưng cũng không hòa giải được. Mâu thuẫn giữa bà Y và ông L kéo dài, vợ chồng đã không sống chung hơn 02 năm nay, vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, ông L không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp để hòa giải mâu thuẫn, mỗi người có cuộc sống của riêng mình, không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Y được ly hôn với ông L.

[3.2] Xét yêu cầu về nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Ngọc Hải Y và ông Nguyễn Hồng L:

Bà Y và ông L xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Lam N, sinh ngày 21/8/2003 và Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 15/10/2006; hiện hai con đang ở

với bà Y. Bà Y yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông L yêu cầu được nuôi con gái Nguyễn Ngọc Minh A, đồng ý để bà Y nuôi con chung là Nguyễn Lam N, không ai cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử đã tiến hành hòa giải để các bên thương lượng thống nhất vì sự phát triển tốt nhất của con chung nhưng bà Y và ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Nhận thấy:

Đối với con chung Nguyễn Lam N, sinh ngày 21/8/2003, cả bà Y và ông L đều thống nhất giao cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy trẻ N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên việc giao cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với con chung Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 15/10/2006, bà Y và ông L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Y và ông L đều đưa ra lý do để được trực tiếp nuôi con, cụ thể bà Y trình bày con từ nhỏ đến lớn đều ở cùng bà, do bà chăm sóc, nguyện vọng của con cũng muốn ở với mẹ. Phía ông L trình bày từ khi cha mẹ mâu thuẫn con trai lớn học hành sa sút, ông không muốn sự việc tương tự xảy ra với con gái nhỏ nên ông muốn được nuôi con. Tại phiên tòa, bà Y nộp các tài liệu là 03 bài kiểm tra (02 bài điểm 9 và 01 bài điểm 10) của trẻ Minh A để chứng minh cháu học tốt. Ông L sau khi nghe công bố các tài liệu bài kiểm tra của trẻ Minh A đang học tốt ông đồng ý để cháu tiếp tục sống với mẹ nhưng trong bản án của Tòa án phải giao cho ông là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Minh A để ông có thể quyết định về việc học tập sinh hoạt của con.

Căn cứ Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình qui định: Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Xét thấy bà Y và ông L đều đủ điều kiện để trực tiếp để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, đảm bảo sự phát triển vì lợi ích của trẻ. Qua xem xét tài liệu và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận thấy trẻ Minh A là trẻ gái, hiện đang học lớp 9, chuẩn bị thi chuyển cấp sang lớp 10, trẻ đang học ổn định, kết quả học tập tốt, nguyện vọng của trẻ cũng muốn ở với mẹ nên có cơ sở giao bà Y trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Minh A để đảm bảo ổn định việc học tập sinh hoạt tâm sinh lý cho trẻ Minh Anh là trẻ gái đang ở tuổi dậy thì cần sự chăm sóc của người mẹ hơn.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông L do bà Y không có yêu cầu.

[3.3] Xét yêu cầu về tài sản chung, nợ chung :

Bà Y và ông L xác nhận tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

[4] Về án phí: Theo Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Ngọc Hải Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng,

được tính vào tạm ứng án phí do bà Y đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0016350 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 19, Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, , Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Hải Y:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Hải Y được ly hôn với ông Nguyễn Hồng L.

- Về con chung: Giao bà Y trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Lam N, sinh ngày 21/8/2003 và Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 15/10/2006. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông L do bà Y không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Hải Y phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do bà Y đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0016350 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Y và ông L có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND Phường M, quận T, TPHCM
(Để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 91, quyền số 01/02 cấp ngày 14/11/2002).
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thụy Hồng Châu